TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2023/QĐST-HNGĐ	*Phước Long, ngày 09 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L – Sinh năm 1987

Địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Huyền T - Sinh năm:1988 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Thị Huyền T**.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Thị Huyền T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị T thống nhất giao 02 con Nguyễn Bùi Bảo U – sinh ngày 10/01/2013 và Nguyễn Bảo D - sinh ngày 22/6/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu U, D đủ 18 tuổi.

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh L và chị T đã tự thỏa thuận bằng Văn bản chia tài sản chung lập vào ngày 28/02/2023 và yêu cầu Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau: Trong thời kỳ hôn nhân anh L và chị T tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng vào tháng 9 năm 2013 trên diện tích đất 403m2 thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 23. Địa chỉ thửa đất: khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Đã được Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: H-00777/T cho TT ngày 07/8/2013 cấp cho anh Nguyễn Văn L (Thửa đất này là tài sản riêng của anh L, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân nên chị T không có tranh chấp). Anh L và chị T đã tự phân chia như sau:

+ Anh L được toàn quyền quản lý, sử dụng 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng vào tháng 9 năm 2013 trên diện tích đất 403m^2 thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 23, địa chỉ thửa đất: khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: H-00777/T cho TT ngày 07/8/2013 cấp cho anh Nguyễn Văn L.

+ Anh L có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản phần tài sản chung cho chị T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán tiền chậm nhất là vào ngày 30/12/2023.

4. Về nợ chung: Anh L và chị T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh L tự chịu 150.000 đồng án phí DSST về hôn nhân gia đình không có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008xxx ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Hoàn trả cho anh L số tiền còn lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND phường M, thị xã Phước Long (số 15 ngày 21/3/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt